TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/DS-ST
Ngày: 26/01/2021
V/v "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Ngọc Hà
2. Ông Nguyễn Huy Trụ

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tuấn Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2020 về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 767/2020/QĐXX-ST ngày 20 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng T
Địa chỉ: 35 H, phường L, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Minh T - Sinh năm: 1978
Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Việt Trì - Ngân hàng T chi nhánh Phú Thọ
Theo Quyết định ủy quyền số 196A ngày 03/3/2020 của Giám đốc Ngân hàng Tchi nhánh Phú Thọ.

Bị đơn: Ông Phan Văn Đ - Sinh năm: 1971
Bà Nguyễn Thị B - Sinh năm: 1973
Đều địa chỉ tại : Khu 1, phường D, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
(Ông T có mặt, ông Đ và bà B vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 03 năm 2020 và đơn xin thay đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 11 tháng 9 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 05 tháng 9 năm 2017, Ngân hàng T– Chi nhánh Phú Thọ - Phòng giao dịch Việt Trì có ký kết Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 01/2017/8264720/HĐTD ngày 01/9/2017 với ông Phan Văn Đ để gia đình ông Đ vay tổng số tiền 520.000.000 đồng (Năm trăm hai mươi triệu đồng). Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cho vay theo phương thức cấp hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán. Tài khoản cấp hạn mức thấu chi số 421.15.00.000.5424. Mục đích sử dụng hạn mức thấu chi: Thanh toán các chi phí cho mục đích tiêu dùng, sinh hoạt của bên vay, gia đình bên vay. Thời hạn duy trì hạn mức 12 tháng kể từ ngày giải ngân là ngày ký hợp đồng là 05/9/2017 (ông Đ sử dụng: 519.900.000 đồng, còn 100.000 đồng để đảm bảo hoạt động của tài khoản). Lãi suất thấu chi 9%/1 năm và được điều chỉnh 03 tháng/ 1 lần. Lãi suất quá hạn bằng 150%/năm lãi suất trong hạn. Lãi chậm trả (áp dụng với số tiền lãi chậm trả): 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Tài sản thế chấp đảm bảo khoản tiền vay trên là thửa đất số 02, tờ bản đồ 07, địa chỉ thửa đất: khu 1, phường D, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ; diện tích 134,9 m^2 đất ở. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 979610 do UBND thành phố Việt Trì cấp ngày 27/01/2016 mang tên người sử dụng đất là ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Thị B. Tài sản gắn liền trên đất là nhà ở cấp 4, diện tích xây dựng 120 m^2 (theo hợp đồng thế chấp số 01/2017/8264720/HĐTC ngày 01/9/2017).

Kể từ ngày vay cho đến nay, ông Đ và bà B không trả được bất cứ một khoản tiền gốc nào. Ông Đ và bà B đã trả được 31.878.204 đồng (Ba mươi mốt triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm linh tư đồng) tiền lãi trong hạn. Ngân hàng Tđã nhiều lần thông báo yêu cầu ông Đ, bà B trả nợ cho Ngân hàng nhưng ông bà không thực hiện trả. Nay Ngân hàng Tđề nghị Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì buộc: ông Đ và bà B thanh toán số tiền dư nợ vay tại Ngân hàng Ttính đến ngày 26/01/2021 là 706.401.162 đồng (Bảy trăm linh sáu triệu bốn trăm linh một nghìn một trăm sáu mươi hai đồng). Trong đó: dư nợ gốc là 519.900.000 đồng (Năm trăm mười chín triệu chín trăm nghìn đồng); Lãi trong hạn là 7.862.097 đồng (Bảy triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn không trăm chín mươi bảy đồng); tiền lãi quá hạn là 119.092.710 đồng (Một trăm mười chín triệu không trăm chín mươi hai nghìn bảy trăm mười đồng); phí chậm trả là 59.546.355 đồng (Năm mươi chín triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn ba trăm năm mươi lăm đồng). Ngoài ra ông Phan Văn Đ còn phải thanh toán tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc thực tế từ ngày 26/01/2021 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Nếu ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Thị B không tự nguyện thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, yêu cầu Tòa án phát mại và xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp.

Bị đơn là ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Thị B trình bày tại Bản tự khai ngày 19/6/2020 và Biên bản hòa giải ngày 14/9/2020 như sau:

Ngày 05/9/2017, ông Đ có ký hợp đồng cho vay theo phương thức cấp hạn mức thấy chi với Ngân hàng T– chi nhánh Phú Thọ - Phòng giao dịch Việt Trì để vay số tiền 520.000.000 đồng (Năm trăm hai mươi triệu đồng). Tài khoản cấp hạn mức thấu chi số 421.15.00.000.5424. Mục đích sử dụng hạn mức thấu chi: Thanh toán tiền mua nội thất gia đình, thời hạn duy trì hạn mức 12 tháng kể từ ngày giải ngân là ngày ký

hợp đồng là 05/9/2017. Lãi suất thấu chi 9%/1 năm và được điều chỉnh 03 tháng/ 1 lần, lãi suất quá hạn bằng 150%/năm lãi suất trong hạn, áp dụng với số tiền lãi chậm trả 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Tài sản thế chấp đảm bảo khoản tiền vay trên là thửa đất số 02, tờ bản đồ 07, địa chỉ thửa đất: khu 1, phường Dữu Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ; diện tích 134,9 m^2 đất ở. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 979610 do UBND thành phố Việt Trì cấp ngày 27/01/2016 mang tên người sử dụng đất là ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Thị B. Tài sản gắn liền trên đất là nhà ở cấp 4, diện tích xây dựng 120 m^2 (theo hợp đồng thế chấp số 01/2017/8264720/HĐTC ngày 01/9/2017).

Năm 2016 anh Phan Anh T là cháu ruột của ông Đ có hỏi mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp vay tiền, ông Đ và bà B đều ký vào hợp đồng thế chấp (nhưng anh Phan Anh T nhờ chị L là em dâu mang về cho ông bà ký, không có cán bộ ngân hàng đi cùng). Đối với số tiền vay trên vợ chồng ông Đ bà B không được sử dụng số tiền trên. Theo giấy ủy nhiệm chi ngày 05/9/2017 ông Đ là người ký, người hưởng là Nguyễn Thị Minh H số tiền 520.000.000 đồng, ông Đ không được ký và không chuyển tiền cho chị H vì ông Đ không biết chị H là ai. Nay Ngân hàng Tyêu cầu: ông Đ và bà B thanh toán số tiền dư nợ vay tại Ngân hàng Ttính đến ngày 14/9/2020 là 680.634.063 đồng (Sáu trăm tám mươi triệu sáu trăm ba mươi tư nghìn bốn mươi sáu đồng). Trong đó: dư nợ gốc là 519.900.000 đồng (Năm trăm mười chín triệu chín trăm nghìn đồng); nợ lãi là 109.776.741 đồng (Một trăm linh chín triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm bốn mươi mốt đồng); tiền lãi chậm trả là 50.957.322 đồng (Năm mươi triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn ba trăm hai mươi hai đồng). Ngoài ra ông Phan Văn Đ còn phải thanh toán tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc thực tế từ ngày 14/9/2020 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Nếu ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Thị B không tự nguyện thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, yêu cầu Tòa án phát mại và xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp. Ông Đ và bà B không chấp nhận thanh toán số tiền nợ gốc và tiền lãi trên vì ngân hàng không làm đúng theo trình tự thủ tục cho vay vốn theo quy định của nhà nước, ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản tự khai ngày 26/8/2020, anh Phan Anh T trình bày: Do có cần tiền để làm ăn kinh doanh nên anh đã hỏi vay tiền của chú ruột là ông Phan Văn Đ và vợ là Nguyễn Thị B để vay số tiền là 520.000.000đ. Vì ông Đ, bà B không có tiền mặt cho anh T vay nên anh T đã đề nghị ông Đ, bà B thế chấp quyền sử dụng đất của ông Đ, bà B là thửa đất số 02, tờ bản đồ 07, địa chỉ thửa đất: khu 1, phường Dữu Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ; diện tích 134,9 m^2 đất ở. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 979610 do UBND thành phố Việt Trì cấp ngày 27/01/2016 mang tên người sử dụng đất là ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Thị B. Tài sản gắn liền trên đất là nhà ở cấp 4. Ông Đ, bà Bảy đồng ý thế chấp quyền sử dụng đất tại ngân hàng BIDV chi nhánh Phú Thọ - Phòng giao dịch Việt Trì. Sau khi làm xong thủ tục vay tiền có yêu cầu cán bộ tín dụng của ngân hàng BIDV – Phòng giao dịch Việt Trì làm thủ tục chuyển khoản số tiền 520.000.000 đồng vào tài khoản chị Nguyễn Thị Minh H. Trong thời gian vay

tiền của của ông Đ, anh Tuấn có nhờ em dâu là Dương Thị L trả tiền lãi trước tháng 5 năm 2018 trở về trước.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì:

Áp dụng các Điều 91,95,98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463,466 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 167,179,188 Luật đất đai năm 2013; Điều 29,30 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của phía nguyên đơn: Buộc ông Đ và bà B phải thanh toán toàn bộ với tổng dư nợ cho ngân hàng T đến ngày 26/01/2021 là 706.401.162 đồng (Bảy trăm linh sáu triệu bốn trăm linh một nghìn một trăm sáu mươi hai đồng). Trong đó: dư nợ gốc là 519.900.000 đồng (Năm trăm mười chín triệu chín trăm nghìn đồng); Lãi trong hạn là 7.862.097 đồng (Bảy triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn không trăm chín mươi bảy đồng); tiền lãi quá hạn là 119.092.710 đồng (Một trăm mười chín triệu không trăm chín mươi hai nghìn bảy trăm mười đồng); phí chậm trả là 59.546.355 đồng (Năm mươi chín triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn ba trăm năm mươi lăm đồng). Về lãi suất, ông Đ và bà B phải chịu trách nhiệm theo quy định của hợp đồng tín dụng.

Trường hợp ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Thị B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu bán đấu giá toàn bộ tài sản sau đây để thu hồi nợ: Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất có số CB979610 do UBND thành phố Việt Trì cấp ngày 21/01/2016 cho ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Thị B.

Về chi phí tố tụng: Không đặt ra giải quyết trong vụ án vì nguyên đơn không đề nghị giải quyết.

Về án phí: Ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Thị B phải chịu: 32.256.064 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Bị đơn có nơi cư trú tại khu 1, phường D, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ vì vậy tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Thị B đã được Tòa án triệu tập và tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng ông Đ và bà B vắng mặt tại phiên tòa không có lí do. Vì vậy Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì xét xử vắng mặt ông Đ và bà B theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện đòi nợ gốc, tiền lãi trong hạn, quá hạn của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ngày 05/9/2017, Ngân hàng T– Chi nhánh Phú Thọ - Phòng giao dịch Việt Trì ký kết Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 01/2017/8264720/HĐTD với ông Phan Văn Đ để ông Đ vay tổng số tiền là 520.000.000 đồng (Năm trăm hai mươi triệu đồng). Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cho vay theo phương thức cấp hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán. Tài khoản cấp hạn mức thấu chi số 421.15.00.000.5424 mang tên chủ tài khoản là ông Phan Văn Đ. Mục đích sử dụng hạn mức thấu chi: mục đích thanh toán các chi phí cho mục đích tiêu dùng, sinh hoạt gia đình. Thời hạn duy trì hạn mức 12 tháng kể từ ngày giải ngân là ngày ký hợp đồng là 05/9/2017 (ông Đ sử dụng: 519.900.000 đồng, còn 100.000 đồng để duy trì hoạt động của tài khoản). Lãi suất thấu chi 9 %/1 năm và được điều chỉnh 03 tháng/ 1 lần, lãi suất quá hạn bằng 150%/năm lãi suất trong hạn, áp dụng với số tiền lãi chậm trả 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Như vậy, Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 01/2017/8264720/HĐTD ngày 05/9/2017 có hiệu lực pháp luật và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận trong hợp đồng. Sau khi vay được tiền, ông Đ đã chuyển số tiền 520.000.000 đồng cho chị Nguyễn Thị Minh H theo giấy ủy nhiệm chi ngày 05/9/2017 với nội dung chuyển tiền mua nội thất gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đ và bà B cho rằng ông Đ không ký vào giấy ủy nhiệm chi ngày 05/9/2017 để chuyển tiền cho chị H mà chỉ thừa nhận ký vào Giấy đề nghị vay vốn ngày 01/9/2017, Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 01/2017/8264720/HĐTD ngày 05/9/2017 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/8264720/HĐTC ngày 01/9/2017. Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 492/2020/QĐ-TCGĐ ngày 10/8/2020 theo yêu cầu của nguyên đơn đối với chữ ký, chữ viết của ông Phan Văn Đ trong Giấy ủy nhiệm chi số 0056 ngày 05/9/2017. Tại Kết luận giám định số 266/C09-P5 ngày 03/9/2020 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: "Chữ ký "Đ", các chữ viết "Phan Văn Đ" trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của Phan Văn Đ trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 do cùng một người ký, viết ra". Do đó việc ông Đ cho rằng ông không ký vào giấy ủy nhiệm chi ngày 05/9/2017 là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Xét về trách nhiệm nghĩa vụ trả nợ: Hội đồng xét xử thấy rằng tại Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 01/2017/8264720/HĐTD ngày 05/9/2017, Ngân hàng Tcho bên vay theo hạn mức thấu chi theo phương thức cấp hạn mức thấu chi với số tiền tối đa là 520.000.000 đồng. Tài khoản cấp hạn mức thấu chi số 421.15.00.0005424 cho ông Phan Văn Đ. Tại Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi 01/2017/8264720/HĐTD ngày 05/9/2017 chỉ có ông Phan Văn Đ ký mục bên vay. Tuy nhiên tại Giấy đề nghị vay vốn ngày 01/9/2017 ông Phan Văn Đ cùng vợ là bà Nguyễn Thị B cùng đề nghị Ngân hàng Tcho vay số tiền 520.000.000 đồng mục đích tiêu dùng và cùng ký vào mục bên vay. Như vậy, số tiền 520.000.000 đồng ông Đ và bà B cùng đề nghị vay với mục đích tiêu

dùng gia đình do đó bà B cùng phải có trách nhiệm trả nợ số tiền 520.000.000 đồng cho Ngân hàng Tvới ông Đ là có căn cứ.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Đ và bà B không trả nợ gốc, không trả đầy đủ tiền lãi cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay đã được thỏa thuận trong Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi. Ông Đ và bà B đã trả được 31.878.204 đồng (Ba mươi mốt triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm linh tư đồng) tiền lãi trong hạn. Ngân hàng Tđã nhiều lần thông báo yêu cầu ông Đ, bà B trả nợ cho Ngân hàng nhưng ông bà không thực hiện trả. Vì vậy Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Thị B thanh toán số tiền dư nợ vay tại Ngân hàng Ttính đến ngày 26/01/2021 là: 706.401.162 đồng (Bảy trăm linh sáu triệu bốn trăm linh một nghìn một trăm sáu mươi hai đồng). Trong đó: dư nợ gốc là 519.900.000 đồng (Năm trăm mười chín triệu chín trăm nghìn đồng); Lãi trong hạn là 7.862.097 đồng (Bảy triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn không trăm chín mươi bảy đồng); tiền lãi quá hạn là 119.092.710 đồng (Một trăm mười chín triệu không trăm chín mươi hai nghìn bảy trăm mười đồng); phí chậm trả là 59.546.355 đồng (Năm mươi chín triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn ba trăm năm mươi lăm đồng). Xét yêu cầu của Ngân hàng Tlà có căn cứ cần chấp nhận.

Xét hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/8264720/HĐTC ngày 01/9/2017 giữa Ngân hàng T– Chi nhánh Phú Thọ - Phòng giao dịch Việt Trì với bên thế chấp là ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Thị B: Việc ký kết hợp đồng thế chấp tài sản là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và Hợp đồng thế chấp này đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật, nội dung hình thức phù hợp với các qui định của pháp luật nên hợp đồng có hiệu lực. Do vậy, nếu ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Thị B không trả được tiền vay thì phải phát mại tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/8264720/HĐTC ngày 01/9/2017 là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 02, tờ bản đồ 07, địa chỉ thửa đất: khu 1, phường D, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ; diện tích 134,9 m^2 đất ở; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 979610 do UBND thành phố Việt Trì cấp ngày 27/01/2016 mang tên người sử dụng đất là ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Thị B; Tài sản gắn liền trên đất là nhà ở cấp 4, diện tích xây dựng 120 m^2 để trả khoản tiền nợ cho Ngân hàng T.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020, Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với thửa đất số 02, tờ bản đồ 07, địa chỉ thửa đất: khu 1, phường D, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ; diện tích 134,9 m^2 đất ở. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 979610 do UBND thành phố Việt Trì cấp ngày 27/01/2016 mang tên người sử dụng đất là ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Thị B. Quá trình xem xét, thẩm định tại chỗ hiện trạng sử dụng đất của ông Đ và bà B so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp có sự chênh lệch là 11,5 m^2. Theo ông Đ và bà B có sự chênh lệch này là do ông bà đang sử dụng lấn về phía bờ sông phía sau nhà. Ngân hàng T không có ý kiến gì về sự chênh lệch diện tích này.

Đối với việc ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Thị B cho rằng ông bà vay tiền của Ngân hàng BIDV để cho anh Phan Anh T là cháu ruột của ông bà vay: xét thấy giao dịch này là giao dịch dân sự khác nếu ông Đ và bà B có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị Dương Thị L và chị Nguyễn Thị Minh H để yêu cầu đến Tòa án làm việc. Chị H, chị L không đến Tòa án vì vậy không có lời khai của chị H, chị L trong hồ sơ vụ án và không làm rõ được trình bày của ông Đ và anh Tuấn.

[4] Về chi phí tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn Tòa án đã xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp và giám định chữ viết, chữ ký của ông Phan Văn Đ trong Giấy ủy nhiệm chi ngày 05/9/2017. Nguyên đơn đã nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí giám định chữ viết, chữ ký và không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với các chi phí tố tụng này. Vì vậy không đặt ra giải quyết trong vụ án.

[5] Về án phí: Vì yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Tđược chấp nhận nên ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Thị B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị nêu trên của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội;

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T

2. Về trách nhiệm trả nợ: Buộc ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Thị B phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Ttoàn bộ số tiền còn nợ theo hợp đồng cấp hạn mức thấu chi tính đến ngày 26/01/2021 là: 706.401.162 đồng (Bảy trăm linh sáu triệu bốn trăm linh một nghìn một trăm sáu mươi hai đồng). Trong đó: dư nợ gốc là 519.900.000 đồng (Năm trăm mười chín triệu chín trăm nghìn đồng); Lãi trong hạn là 7.862.097 đồng (Bảy triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn không trăm chín mươi bảy đồng); tiền lãi quá hạn là 119.092.710 đồng (Một trăm mười chín triệu không trăm chín mươi hai nghìn bảy trăm mười đồng); phí chậm trả là 59.546.355 đồng (Năm mươi chín triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn ba trăm năm mươi lăm đồng).

3. Về xử lý tài sản thế chấp:

Trường hợp ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Thị B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc không thanh toán xong khoản nợ thì Ngân hàng Tcó quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản của ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Thị B đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/8264720/HĐTC ngày 01/9/2017 để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 02, tờ bản đồ 07,

địa chỉ thửa đất: khu 1, phường D, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ; diện tích 134,9 m^2 đất ở. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 979610 do UBND thành phố Việt Trì cấp ngày 27/01/2016 mang tên người sử dụng đất là ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Thị B và tài sản gắn liền trên đất.

Trường hợp sau khi phát mại tài sản thế chấp không đủ nghĩa vụ trả nợ thì ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Thị B vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ gốc, lãi còn lại cho Ngân hàng Tđến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Về chi phí tố tụng: Không đặt ra giải quyết trong vụ án vì Ngân hàng Tkhông đề nghị giải quyết.

5. Về án phí:

Ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Thị B phải chịu 32.256.046đ (Ba mươi hai triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn không trăm bốn mươi sáu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng T 21.342.000 đồng (Hai mươi mốt triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2019/0001055 ngày 21/5/2020.

"Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự"

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND TP Việt Trì;
- Đương sự;
- Chi cục THADS tp Việt Trì;
- Lưu VP, HSVA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Ngọc Lan